

Số: 17/2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các
kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 408/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang bao gồm:

a) Các kỳ thi: Thi học sinh giỏi; thi tuyển sinh đầu cấp; thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Các cuộc thi, hội thi: Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; thi khoa học kỹ thuật; thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông; thi văn nghệ; thi tìm hiểu kiến thức pháp luật; thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi cán bộ quản lý giỏi; hội thao giáo dục quốc phòng an ninh; các cuộc khảo sát, đánh giá; thi vẽ tranh; thi Bé khỏe, đẹp, tài năng; thi Giáo viên tài năng, duyên dáng; thi tin học trẻ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

b) Mức chi tiền công quy định tại Nghị quyết này là mức chi quy định đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh; cấp huyện, cấp trường trung học phổ thông bằng 70% cấp tỉnh; cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bằng 60% cấp tỉnh.

Điều 2. Nguồn kinh phí, nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi được sử dụng từ nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục và nguồn thu hợp pháp của đơn vị. Riêng thi tuyển sinh đầu cấp được sử dụng từ nguồn thu dịch vụ tuyển sinh theo quy định.

2. Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi

a) Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);

b) Chi thuê địa điểm thi, địa điểm chấm thi (nếu có);

c) Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi.

3. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra trước và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

4. Tiền công chi cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ trong công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

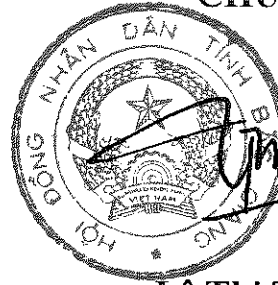
Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khoá XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022. /

Nơi nhận:

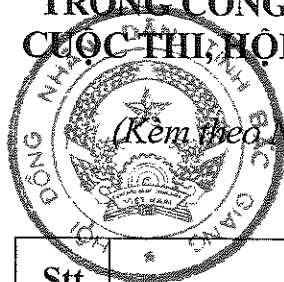
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

Phụ lục
TIỀN CÔNG CHI CHO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
TRONG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI,
CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG



(Kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
A	Các kỳ thi		
I	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia		
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng ra đề thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	340
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Đồng/người/ngày	310
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Đồng/người/ngày	275
	- Thư ký (cách ly)	Đồng/người/ngày	230
	- Thư ký (không cách ly)	Đồng/người/ngày	220
	- Ủy viên, thanh tra	Đồng/người/ngày	275
	- Công an (cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Đồng/người/ngày	200
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng in sao		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Đồng/người/ngày	250
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Đồng/người/ngày	240
	- Thư ký (cách ly)	Đồng/người/ngày	220
	- Thư ký (không cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Đồng/người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Đồng/người/ngày	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	240
	- Ủy viên, công an	Đồng/người/ngày	205
	- Phục vụ, lái xe	Đồng/người/ngày	110
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng coi thi		
	- Trưởng điểm thi	Đồng/người/ngày	260
	- Phó trưởng điểm thi	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Đồng/người/ngày	210

[Signature]

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	110
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Tổ làm phách		
	- Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	260
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	220
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm phúc khảo, Hội đồng chấm thẩm định bài thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Đồng/người/ngày	270
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	230
	- Ủy viên, thanh tra	Đồng/người/ngày	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Đồng/người/đợt chấm thi	200
	- Kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	340
	- Công an	Đồng/người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	115
6	Chi ăn cho thành viên Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Đồng/người/ngày	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Đồng/người/ngày	150
7	Tiền công tập huấn các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa các cấp		
7.1	Chi ôn luyện đội tuyển quốc gia thi Olympic quốc tế		
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Đồng/tiết	330
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Đồng/người/ngày	180
	- Chi cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (gồm công tác quản lý và phục vụ)	Đồng/đội tuyển/ngày	60
7.2	Chi đội tuyển ôn luyện thi học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia	Thời gian thanh toán không quá 3 tháng. Ôn thi cấp tỉnh bằng 70% định mức này; Ôn thi cấp huyện, thành phố bằng 70% cấp tỉnh	
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Đồng/tiết	250

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Đồng/người/ngày	50
	- Chi cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (gồm công tác quản lý và phục vụ)	Đồng/đội tuyển/ngày	45
II	Thi tuyển sinh đầu cấp		
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng ra đề thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	340
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Đồng/người/ngày	310
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Đồng/người/ngày	275
	- Thư ký (cách ly)	Đồng/người/ngày	230
	- Thư ký (không cách ly)	Đồng/người/ngày	220
	- Ủy viên, thanh tra	Đồng/người/ngày	275
	- Công an (cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Đồng/người/ngày	200
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng in sao		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Đồng/người/ngày	250
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Đồng/người/ngày	240
	- Thư ký (cách ly)	Đồng/người/ngày	220
	- Thư ký (không cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Đồng/người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Đồng/người/ngày	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	240
	- Ủy viên, công an	Đồng/người/ngày	205
	- Phục vụ, lái xe	Đồng/người/ngày	110
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	300
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	280
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	235
	- Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ngày	160
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng coi thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	260
	- Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	245



Beach

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Đồng/người/ngày	210
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	110
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Tổ làm phách		
	- Tổ Trưởng	Đồng/người/ngày	260
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	220
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm phúc khảo, Hội đồng chấm thẩm định bài thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Đồng/người/ngày	270
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	230
	- Ủy viên, thanh tra	Đồng/người/ngày	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Đồng/người/đợt chấm thi	200
	- Kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	340
	- Công an	Đồng/người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	115
7	Chi ăn cho thành viên Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Đồng/người/ngày	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Đồng/người/ngày	150
8	Chi tiền công Hội đồng xét tuyển sinh đầu cấp phổ thông	Xét công nhận tốt nghiệp THCS bằng 70% mức này	
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	195
	- Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	185
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	170
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	165
	- Phục vụ	Đồng/người/ngày	65
III	Thi tốt nghiệp Trung học phổ thông		
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban in sao		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	290
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Đồng/người/ngày	250
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Đồng/người/ngày	240

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	- Thư ký (cách ly)	Đồng/người/ngày	220
	- Thư ký (không cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Đồng/người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Đồng/người/ngày	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	240
	- Ủy viên, công an	Đồng/người/ngày	205
	- Phục vụ, lái xe	Đồng/người/ngày	110
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	300
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	280
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	235
	- Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ngày	160
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	280
	- Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	250
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	240
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban thư ký Hội đồng thi		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	240
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	225
	- Ủy viên	Đồng/người/ngày	205
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban coi thi		
	- Trưởng điểm thi	Đồng/người/ngày	260
	- Phó trưởng điểm thi	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Đồng/người/ngày	210
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	110
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban làm phách		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	240
	- Thư ký, uỷ viên	Đồng/người/ngày	220
	- Công an (cách ly)	Đồng/người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Đồng/người/ngày	200

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	- Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ngày	110
7	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban chấm thẩm định bài thi		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	290
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Đồng/người/ngày	270
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Đồng/người/ngày	245
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	230
	- Ủy viên, thanh tra	Đồng/người/ngày	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Đồng/người/đợt chấm thi	200
	- Kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	340
	- Công an	Đồng/người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	115
8	Chi ăn cho thành viên Ban ra đề thi, Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Thời gian thực tế in sao đề thi, làm phách	Đồng/người/ngày	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi, làm phách	Đồng/người/ngày	150
B	Các cuộc thi, hội thi		
I	Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi		
1	Chăm bản báo cáo biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, hồ sơ dự thi (chi phí của cả hội đồng)	Đồng/ biện pháp	60
2	Chi hội đồng chấm thi thực hành; hội đồng chấm trình bày biện pháp	Đồng/ giáo viên dự thi	250
II	Thi khoa học kỹ thuật		
1	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ngày	290
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ngày	270
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Đồng/người/ngày	230
	- Phục vụ	Đồng/người/ngày	110
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài	Đồng/người/ngày	Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên theo Nghị quyết HĐND tỉnh hiện hành
2	Tổ giám sát	Đồng/người/ngày	
	- Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	250
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	230

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
III	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông		
1	Tiền công Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	240
	- Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	210
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	190
	- Ủy viên ra đề lý thuyết và thực hành	Đồng/người/ngày	200
	- Bảo vệ, phục vụ	Đồng/người/ngày	110
2	Tiền công Hội đồng coi thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	120
	- Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	110
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi	Đồng/người/ngày	100
	- Bảo vệ, phục vụ	Đồng/người/ngày	70
3	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	120
	- Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	110
	- Thư ký	Đồng/người/ngày	100
	- Ủy viên chấm bài thi lý thuyết và thực hành	Đồng/người/ngày	100
	- Bảo vệ, phục vụ	Đồng/người/ngày	70
IV	Các cuộc thi: Thi văn nghệ. Thi tìm hiểu kiến thức pháp luật. Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi. Thi cán bộ quản lý giỏi. Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh. Các cuộc khảo sát, đánh giá. Thi vẽ tranh. Thi Bé khỏe, đẹp, tài năng. Thi Giáo viên tài năng, duyên dáng. Thi tin học trẻ		
1	Chăm báo cáo sáng kiến kinh nghiệm/biện pháp (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến	40
2	Tiền công Ban tổ chức		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	250
	- Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	220
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	190
3	Tiền công Ban thư ký		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	190
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	170
4	Tiền công Ban ra đề		
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	210
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	190
	- Phục vụ	Đồng/người/ngày	110
5	Tiền công Ban giám khảo, Ban chấm thi/Hội đồng chấm thi		
	- Trưởng ban/Chủ tịch hội đồng	Đồng/người/ngày	250
	- Phó trưởng ban/Phó chủ tịch hội đồng	Đồng/người/ngày	220

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	- Trưởng tiểu ban	Đồng/người/ngày	200
	- Thành viên/Ủy viên, thư ký, giám khảo	Đồng/người/ngày	190
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài (đối với thi văn nghệ)	Đồng/người/ngày	Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên theo Nghị quyết HĐND tỉnh hiện hành
	- Phục vụ	Đồng/người/ngày	110
6	Chăm bài khảo sát, đánh giá (định mức chi cho cán bộ chăm)	Bài	13

